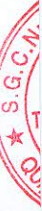




**Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu
Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thông tin chung

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán
chứng chỉ quỹ ra công chúng

04/GCN-UBCK cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập
Quỹ đầu tư đại chúng dạng quỹ mở

06/GCN-UBCK cấp ngày 16 tháng 12 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng
khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại Diện Quỹ

Ông Đặng Thái Nguyên	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Đức Minh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thòn	Thành viên
Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Kim Long	Thành viên (từ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014)
Ông Hoàng Kiên	Thành viên (từ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014)

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố
Hồ Chí Minh

Trụ sở đăng ký

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point
2 Ngô Đức Kế,
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ


CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được lập và trình bày theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, mà báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam 



Ông Trần Thành Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Đặng Thái Nguyên, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ *kt*



Ông Đặng Thái Nguyên
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Báo cáo tài chính này cũng được xác nhận bởi Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 25 tháng 9 năm 2013 được ký với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-598



Chang Hưng Chún

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B01 - QM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày
					17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		80.609.743.514	(1.406.569.381)
1.1	Cổ tức được chia	02	15	16.641.894.300	-
1.2	Tiền lãi được nhận	03	15	1.616.279.514	112.336.719
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	16	95.754.537.104	3.579.760.306
1.4	Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện trong năm/kỳ	05	17	(33.402.967.404)	(5.098.666.406)
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		1.338.707.041	12.783.932
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	18	1.338.707.041	12.783.932
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		11.855.766.987	664.420.500
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	22	9.465.113.264	541.059.930
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	19	287.263.237	19.771.617
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	22	226.960.764	10.793.165
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	22	207.056.305	10.793.165
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	20.5		134.200.000	5.322.583
3.6	Chi phí họp, Đại hội Quỹ	20.7		94.869.733	11.773.897
3.7	Chi phí kiểm toán	20.8		232.100.000	10.242.742
3.8	Chi phí hoạt động khác	20.10	20	1.208.203.684	54.663.401
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)	23		67.415.269.486	(2.083.773.813)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B01 - QM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày
					17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
V	LÃI/(LỖ) TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		67.415.269.486	(2.083.773.813)
5.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		100.818.236.890	3.014.892.593
5.2	Lỗ chưa thực hiện	32		(33.402.967.404)	(5.098.666.406)
VI	LÃI/(LỖ) THUẦN TRONG NĂM/KỶ (41 = 30)	41		67.415.269.486	(2.083.773.813)

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam ("Quỹ") phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 25 tháng 9 năm 2013 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Việt Nam



Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám Đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02 - QM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	110	4	48.224.554.964	104.178.998.410
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		8.224.554.964	3.678.998.410
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112		40.000.000.000	100.500.000.000
2	Các khoản đầu tư thuần	120		305.926.689.700	573.847.788.000
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	305.926.689.700	573.847.788.000
3	Các khoản phải thu	130		4.876.353.334	6.150.196.043
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	3.594.340.000	5.251.221.000
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		1.282.013.334	898.975.043
3.2.1	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136	7	1.282.013.334	898.975.043
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		359.027.597.998	684.176.982.453
II	NỢ PHẢI TRẢ				
1	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	8	960.000.000	-
2	Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	313		85.520.644	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		13.459.605	-
4	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315	9	83.000.000	83.000.000
5	Chi phí phải trả	316	10	764.367.582	833.393.986
6	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	318	11	11.448.565	-
7	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	12	680.483.460	1.181.098.440
8	Phải trả, phải nộp khác	320		39.924.615	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300= 312 + 315 + 316 + 318 + 319 + 320)	300		2.638.204.471	2.097.492.426

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B02 - QM

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		356.389.393.527	682.079.490.027
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	13	397.017.923.500	806.460.000.000
1.1	Vốn góp phát hành	412		837.931.117.700	806.460.000.000
1.2	Vốn góp mua lại	413		(440.913.194.200)	-
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	13	16.336.710.514	-
3	Lỗ lũy kế	420	14	(56.965.240.487)	(124.380.509.973)
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430		8.976,65	8.457,69
V	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			31/12/2014	31/12/2013
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	24	39.701.792,35	80.646.000,00

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 25 tháng 9 năm 2013 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Việt Nam



Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán

Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám Đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm tra độc Tài chính
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ
VIỆT NAM
Ông Trần Thành Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03 - QM

STT	Chỉ tiêu	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu năm/kỳ	682.079.490.027	684.163.263.840
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong năm/kỳ	67.415.269.486	(2.083.773.813)
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm/kỳ	67.415.269.486	(2.083.773.813)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(393.105.365.986)	-
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	32.819.595.713	-
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(425.924.961.699)	-
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm/kỳ (IV = I + II + III)	356.389.393.527	682.079.490.027

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 25 tháng 9 năm 2013 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Việt Nam



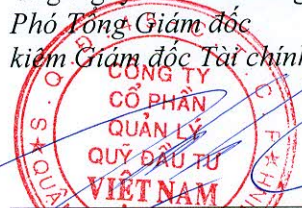
Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán



Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám Đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc
kiểm soát Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B04 - QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2014 VND	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Mã cổ phiếu niêm yết	8.602.055		305.926.689.700	85,21%
1	BVH	250.000	32.000	8.000.000.000	2,23%
2	DPM	446.830	30.800	13.762.364.000	3,83%
3	DRC	257.590	56.000	14.425.040.000	4,02%
4	FPT	426.160	48.000	20.455.680.000	5,70%
5	GAS	246.970	70.500	17.411.385.000	4,85%
6	HAG	329.390	22.100	7.279.519.000	2,03%
7	HPG	598.488	53.000	31.719.864.000	8,83%
8	PVD	275.761	64.500	17.786.584.500	4,95%
9	REE	752.460	28.200	21.219.372.000	5,91%
10	SSI	421.440	27.500	11.589.600.000	3,23%
11	VCB	703.978	31.900	22.456.898.200	6,25%
12	VNM	317.758	95.500	30.345.889.000	8,45%
13	VIC	343.440	47.700	16.382.088.000	4,56%
14	DXG	917.240	14.000	12.841.360.000	3,58%
15	KDC	200.000	49.900	9.980.000.000	2,78%
16	TCM	488.890	32.000	15.644.480.000	4,36%
17	CSM	217.650	43.000	9.358.950.000	2,61%
18	SJS	341.010	25.100	8.559.351.000	2,38%
19	HT1	98.950	17.400	1.721.730.000	0,48%
20	VND	484.600	12.600	6.105.960.000	1,70%
21	KBC	110.000	15.900	1.749.000.000	0,49%
22	IJC	54.600	13.500	737.100.000	0,21%
23	NTL	60.000	14.000	840.000.000	0,23%
24	HDG	42.850	33.500	1.435.475.000	0,40%
25	NT2	150.100	20.900	3.137.090.000	0,87%
26	BCC	65.900	14.900	981.910.000	0,27%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B04 - QM

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
II	Các tài sản khác	4.876.353.334	1,36%
1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	3.594.340.000	1,00%
2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.282.013.334	0,36%
III	Tiền	48.224.554.964	13,43%
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	48.224.554.964	13,43%
IV	Tổng giá trị danh mục	359.027.597.998	100,00%

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 25 tháng 9 năm 2013 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Việt Nam



Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán




Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám Đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B05 - QM

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Lãi/(lỗ) trước thuế	01		67.415.269.486	(2.083.773.813)
Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		33.402.967.404	5.098.666.406
Chênh lệch giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	04		33.402.967.404	5.098.666.406
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05		236.332.685.650	618.957.470
Giảm các khoản đầu tư	06		234.518.130.896	4.942.860.694
Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư	06		1.656.881.000	(5.251.221.000)
Tăng/(giảm) dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		(383.038.291)	307.008.335
Tăng phải trả về mua các khoản đầu tư	10		960.000.000	-
Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	11		85.520.644	-
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		13.459.605	-
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	15		11.448.565	-
(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	16		(29.101.789)	12.783.932
(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	17		(500.614.980)	607.525.509
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19		337.150.922.540	3.633.850.063
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	31		32.819.595.713	-
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	32		(425.924.961.699)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(393.105.365.986)	-
(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm/kỳ (40 = 19 + 30)	40		(55.954.443.446)	3.633.850.063

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B05 - QM

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày
				17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND (trình bày lại)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	50	4	104.178.998.410	100.545.148.347
Tiền gửi ngân hàng đầu năm/kỳ	51			
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		3.678.998.410	5.045.148.347
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	53		100.500.000.000	95.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	55	4	48.224.554.964	104.178.998.410
Tiền gửi ngân hàng cuối năm/kỳ	56			
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		8.224.554.964	3.678.998.410
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	58		40.000.000.000	100.500.000.000
Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm/kỳ	60		(55.954.443.446)	3.633.850.063

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký vào bản báo cáo tài chính này vào ngày 12 tháng 3 năm 2015 để xác nhận việc Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành, như được quy định rõ tại Hợp Đồng Giám Sát Quỹ vào ngày 25 tháng 9 năm 2013 với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam với tư cách là công ty quản lý quỹ liên quan đến hoạt động của Quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Việt Nam



Bà Đặng Vũ Hoài Diệu
Giám Đốc Nghiệp Vụ Chứng Khoán



Bà Phạm Trần Thu Hà
Giám Đốc Dịch vụ Nhà đầu tư Việt Nam



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B06 - QM

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập khởi đầu tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 2 năm 2008.

Tổng số vốn Điều lệ tối đa của Quỹ được quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập là 8.000 tỷ Đồng Việt Nam. Theo giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 80.646.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam trên mỗi đơn vị quỹ cho lần huy động vốn đầu tiên.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết chứng chỉ quỹ số 58/QĐ-SGDHCM ngày 3 tháng 6 năm 2008 và đã được hủy niêm yết vào ngày 27 tháng 11 năm 2013 theo Quyết định số 363/2013/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 10 năm 2013 để thực hiện thủ tục chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở.

Quỹ đã chính thức chuyển đổi thành quỹ đầu tư đại chúng dạng mở vào ngày 17 tháng 12 năm 2013 theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán số 04/GCN-UBCK ngày 18 tháng 12 năm 2007 và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ đại chúng số 06/GCN-UBCK (“Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập”) ngày 16 tháng 12 năm 2013 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 806.460.000.000 Đồng Việt Nam tương đương với 80.646.000 chứng chỉ quỹ và không bị giới hạn về thời gian hoạt động theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Thành lập. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2013 và lần điều chỉnh gần nhất là 27 tháng 3 năm 2014.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm nhưng không giới hạn như năng lượng, vật liệu - khai khoáng, tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng, bất động sản, hàng tiêu dùng và những doanh nghiệp này luôn nằm trong top 20 doanh nghiệp hàng đầu của ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp đó đang hoạt động. Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được quản lý nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo các điều sau:

- Quỹ không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng;
- Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu chính phủ);
- Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu hoặc trái phiếu niêm yết trong vòng 12 tháng, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành;
- Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- Quỹ không được trực tiếp đầu tư vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; và
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Quỹ được định giá hàng tuần vào ngày thứ tư, định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và thực hiện giao dịch Chứng chỉ quỹ định kỳ hàng tuần vào ngày thứ tư (tức là ngày T).

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, một Công ty Quản lý Quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là phòng 1701-04, tầng 17, tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Các thuyết minh báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các chính sách kế toán trình bày sau đây được Quỹ áp dụng nhất quán trong năm.

(c) Kỳ kế toán năm

Quỹ chính thức chuyển đổi thành quỹ đầu tư đại chúng dạng mở vào ngày 17 tháng 12 năm 2013. Do đó kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 17 tháng 12 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Những kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

Số liệu so sánh của báo cáo thu nhập và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm 2013 thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ từ ngày 17 tháng 12 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 không thể so sánh được với các số liệu của năm hiện tại (12 tháng).

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

(b) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

(c) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, và được đánh giá lại tại ngày của báo cáo tình hình tài chính theo phương pháp xác định giá trị nêu tại mục 3(d)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(iii) *Xác định giá trị*

Theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày của báo cáo tình hình tài chính. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ, hoặc sổ tay định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày của báo cáo tình hình tài chính theo Điều lệ Quỹ như sau:

Trái phiếu

▪ Trái phiếu niêm yết

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận (chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc
 - + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

▪ Trái phiếu không niêm yết

Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:

- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt;
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

▪ Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi:

- Giá bình quân của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; hoặc
- Trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội
 - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
 - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua; hoặc
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom
 - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
 - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, thì dùng giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua; hoặc
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch
 - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; hoặc
 - + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
 - + Giá mua; hoặc
 - + Giá trị sổ sách; hoặc
 - + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản
Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
 - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Chứng khoán phái sinh

- Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại vào ngày của báo cáo tình hình tài chính theo giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên được đánh giá lại vào ngày của báo cáo tình hình tài chính theo giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh được đánh giá lại trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại các chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và chi phí phải trả. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(g) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(i) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là 0.1% trên giá trị mua lại theo Công văn 12501/BTC-CST ngày 20 tháng 09 năm 2010 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho nhà nước.

(j) Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở

Chứng chỉ quỹ có thể được nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối và vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành trừ đi vốn góp mua lại. Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của năm trước để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ sau khi trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của Luật chứng khoán hiện hành quy định đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(k) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(l) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích.

(m) Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính năm. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

(o) Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán được xem là các bên liên quan với Quỹ.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm/kỳ tại các ngân hàng sau đây:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh		
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	8.224.554.964	3.678.998.410
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	20.000.000.000	100.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	48.224.554.964	104.178.998.410
	<hr/>	<hr/>

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất trong năm là từ 1% đến 4,7% một năm (31/12/2013: 7% một năm). Trong trường hợp rút trước thời gian đáo hạn, các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất dưới 1% một năm.

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và chưa niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quý đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở thuyết minh 3(d), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013 được trình bày như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong năm/kỳ		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Cổ phiếu niêm yết	273.203.153.902	305.926.689.700	46.466.199.414	(13.742.663.616)	305.926.689.700
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Cổ phiếu niêm yết	507.721.284.798	573.847.788.000	131.658.421.283	(65.531.918.081)	573.847.788.000

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư	3.594.340.000	5.251.221.000

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đối với cổ phiếu niêm yết được nhận sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự thu cổ tức	1.262.930.000	700.905.600
Dự thu lãi tiền gửi	19.083.334	198.069.443
	1.282.013.334	898.975.043

8. Phải trả về mua các khoản đầu tư

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	960.000.000	-

Phải trả về mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả từ mua các khoản đầu tư đối với cổ phiếu niêm yết phải trả sau ba ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

9. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức phải trả cho các Nhà đầu tư có chứng chỉ Quỹ chưa lưu ký tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	83.000.000	83.000.000

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

10. Chi phí phải trả

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phí môi giới	109.271.896	12.783.932
Phí kiểm toán	192.500.000	337.122.500
Phí họp đại hội	155.522.462	183.632.729
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	118.000.000	98.500.000
Phí báo cáo thường niên	189.073.224	201.354.825
	<hr/>	<hr/>
	764.367.582	833.393.986
	<hr/>	<hr/>

11. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại các chứng chỉ quỹ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán	11.448.565	-
	<hr/>	<hr/>

12. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phí quản lý quỹ	598.512.728	1.144.219.269
Phí lưu ký chứng khoán	10.500.000	8.410.258
Phí giao dịch chứng khoán	6.345.882	1.560.000
Phí giám sát	18.480.000	10.793.165
Phí quản trị Quỹ	13.644.850	10.793.165
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	33.000.000	5.322.583
	<hr/>	<hr/>
	680.483.460	1.181.098.440
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B06 - QM****13. Vốn góp của Nhà đầu tư**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 06/GCN-UBCK, vốn điều lệ của quỹ là 806.460.000.000 Đồng Việt Nam tương ứng với 80.646.000 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2013 VND	Phát sinh trong năm VND	Tại ngày 31/12/2014 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	80.646.000,00	3.147.111,77	83.793.111,77
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	806.460.000.000	31.471.117.700	837.931.117.700
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	-	1.348.478.013	1.348.478.013
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	806.460.000.000	32.819.595.713	839.279.595.713
Vốn góp mua lại				
Số lượng (5)	CCQ	-	(44.091.319,42)	(44.091.319,42)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	-	(440.913.194.200)	(440.913.194.200)
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (7)	VND	-	14.988.232.501	14.988.232.501
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	-	(425.924.961.699)	(425.924.961.699)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (9) = (1) - (5)	CCQ	80.646.000,00	(40.944.207,65)	39.701.792,35
Giá trị vốn góp hiện hành (10) = (4) - (8)	VND	806.460.000.000	(393.105.365.986)	413.354.634.014
Lỗ lũy kế (11)	VND	(124.380.509.973)	67.415.269.486	(56.965.240.487)
NAV hiện hành (12) = (10) + (11)	VND	682.079.490.027	(325.690.096.500)	356.389.393.527
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (13) = (12)/(9)	VND/CCQ	8.457,69		8.976,65
Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (14) = (3) + (7)	VND		- 16.336.710.514	16.336.710.514

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

14. Lũy kế

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Lũy kế đầu năm/kỳ	(124.380.509.973)	(122.296.736.160)
Lãi/(lỗ) thuần trong năm/kỳ	67.415.269.486	(2.083.773.813)
Trong đó		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối</i>	100.818.236.890	3.014.892.593
<i>Lỗ chưa thực hiện</i>	(33.402.967.404)	(5.098.666.406)
Lũy kế cuối năm/kỳ	(56.965.240.487)	(124.380.509.973)

15. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 1/12/2013 VND
Cổ tức phát sinh trong năm/kỳ		
<i>Cổ tức phát sinh trong năm/kỳ đã nhận</i>	15.378.964.300	-
<i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i>	1.262.930.000	-
Tiền lãi phát sinh trong năm/kỳ		
<i>Tiền lãi phát sinh trong năm/kỳ đã nhận</i>	1.597.196.180	-
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	19.083.334	112.336.719
	18.258.173.814	112.336.719

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

16. Lãi bán các khoản đầu tư

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán năm 2014 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2014 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán kỳ từ 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	612.202.132.000	516.447.594.896	95.754.537.104	99.334.297.410	3.579.760.306

Kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán kỳ từ 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2013 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán đầu kỳ VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	8.522.621.000	4.942.860.694	3.579.760.306	3.579.760.306	-

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

17. Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện trong năm/kỳ

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2014		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2013		Chênh lệch giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện năm 2014 VND
	VND	[1]	VND	[2]	VND	[3]	
Cổ phiếu niêm yết	273.203.153.902	[1]	305.926.689.700	[2]	32.723.535.798	66.126.503.202	[4]
							[5] = [3] - [4]
						(33.402.967.404)	

Kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2013		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 16/12/2013		Chênh lệch giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện từ 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
	VND	[1]	VND	[2]	VND	[3]	
Cổ phiếu niêm yết	507.721.284.798	[1]	573.847.788.000	[2]	66.126.503.202	71.225.169.608	[4]
							[5] = [3] - [4]
						(5.098.666.406)	

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

18. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Chi phí môi giới, giao dịch bán các cổ phiếu	1.338.707.041	12.783.932

19. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	148.586.691	8.410.258
Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Giám sát (Thuyết minh 22)	82.185.882	1.560.000
Phí lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	56.490.664	9.801.359
	287.263.237	19.771.617

20. Chi phí hoạt động khác

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 22)	590.000.000	26.179.532
Chi phí hoạt động khác	618.203.684	28.483.869
	1.208.203.684	54.663.401

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

21. Giá trị tài sản ròng

		Năm kết thúc ngày 31/12/2014			
Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính	
				NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	682.079.490.027	80.646.000,00	8.457,69	10,21
1	Ngày 1 tháng 1	682.042.596.002	80.646.000,00	8.457,24	(0,45)
2	Ngày 7 tháng 1	689.371.610.605	80.646.000,00	8.548,12	90,43
3	Ngày 14 tháng 1	711.860.130.104	80.646.000,00	8.826,97	278,85
4	Ngày 21 tháng 1	684.880.522.434	72.581.396,97	9.436,03	609,06
5	Ngày 31 tháng 1	683.048.633.052	72.581.396,97	9.410,79	(25,24)
6	Ngày 5 tháng 2	682.851.742.744	72.581.396,97	9.408,08	(2,71)
7	Ngày 11 tháng 2	676.990.100.836	72.581.396,97	9.327,32	(80,76)
8	Ngày 18 tháng 2	630.167.886.059	65.323.255,65	9.646,91	319,59
9	Ngày 25 tháng 2	647.712.545.484	65.323.255,65	9.915,50	268,59
10	Ngày 28 tháng 2	584.738.665.638	58.790.925,89	9.946,07	30,57
11	Ngày 4 tháng 3	566.015.517.708	58.790.925,89	9.627,60	(318,47)
12	Ngày 11 tháng 3	591.243.376.303	58.790.925,89	10.056,71	429,11
13	Ngày 18 tháng 3	559.970.877.007	54.037.503,09	10.362,63	305,92
14	Ngày 25 tháng 3	556.218.452.275	54.037.503,09	10.293,19	(69,44)
15	Ngày 31 tháng 3	497.720.044.104	48.633.751,26	10.234,05	(59,14)
16	Ngày 1 tháng 4	490.882.463.020	48.633.751,26	10.093,45	(140,60)
17	Ngày 9 tháng 4	510.820.127.154	48.633.751,26	10.503,41	409,96
18	Ngày 15 tháng 4	484.890.922.658	47.831.208,97	10.137,54	(365,87)
19	Ngày 22 tháng 4	469.333.039.740	47.831.208,97	9.812,28	(325,26)
20	Ngày 30 tháng 4	466.563.255.352	46.896.805,44	9.948,72	136,44
21	Ngày 4 tháng 5	466.443.812.581	46.896.805,44	9.946,17	(2,55)
22	Ngày 6 tháng 5	445.617.951.687	46.896.805,44	9.502,10	(444,07)
23	Ngày 13 tháng 5	401.629.982.195	46.787.181,08	8.584,19	(917,91)
24	Ngày 20 tháng 5	414.032.984.789	46.015.385,42	8.997,71	413,52
25	Ngày 27 tháng 5	422.214.068.163	45.645.587,14	9.249,83	252,12
26	Ngày 31 tháng 5	426.053.447.504	45.489.083,38	9.366,06	116,23
27	Ngày 3 tháng 6	423.903.520.394	45.489.083,38	9.318,80	(47,26)
28	Ngày 10 tháng 6	426.772.154.436	45.421.563,38	9.395,81	77,01
29	Ngày 17 tháng 6	431.779.340.235	45.234.963,67	9.545,26	149,45
30	Ngày 24 tháng 6	430.826.466.714	45.219.139,34	9.527,52	(17,74)
31	Ngày 30 tháng 6	437.727.029.053	45.205.839,34	9.682,98	155,46
32	Ngày 1 tháng 7	438.697.318.803	45.205.839,34	9.704,44	21,46
33	Ngày 8 tháng 7	447.544.382.987	45.176.695,32	9.906,53	202,09
34	Ngày 15 tháng 7	450.132.420.923	45.124.895,18	9.975,26	68,73
35	Ngày 22 tháng 7	458.267.907.064	45.117.012,54	10.157,32	182,06
36	Ngày 29 tháng 7	448.657.183.096	45.105.456,71	9.946,85	(210,47)
37	Ngày 31 tháng 7	452.908.616.172	45.105.456,71	10.041,10	94,25
38	Ngày 5 tháng 8	458.047.544.761	44.853.926,71	10.211,98	170,88
39	Ngày 12 tháng 8	452.245.099.928	44.828.062,82	10.088,44	(123,54)
40	Ngày 19 tháng 8	460.000.237.484	44.779.892,82	10.272,47	184,03

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

21. Giá trị tài sản ròng (tiếp theo)

Kỳ	Ngày tính NAV	Năm kết thúc ngày 31/12/2014			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	tăng/(giảm) NAV/ICCQ
41	Ngày 26 tháng 8	483.223.914.632	44.713.435,63	10.807,13	(534,66)
42	Ngày 31 tháng 8	486.636.775.693	44.638.865,63	10.901,64	94,51
43	Ngày 2 tháng 9	486.576.912.591	44.638.865,63	10.900,30	(1,34)
44	Ngày 9 tháng 9	478.708.191.241	44.598.265,63	10.733,78	(166,52)
45	Ngày 16 tháng 9	484.306.048.727	44.558.839,42	10.868,91	135,13
46	Ngày 23 tháng 9	469.044.511.953	44.494.006,04	10.541,75	(327,16)
47	Ngày 30 tháng 9	463.509.214.236	44.501.740,81	10.415,53	(126,22)
48	Ngày 7 tháng 10	496.800.936.293	46.239.231,87	10.744,14	328,61
49	Ngày 14 tháng 10	480.684.716.315	45.888.518,85	10.475,05	(269,09)
50	Ngày 21 tháng 10	483.861.374.831	47.093.280,95	10.274,53	(200,52)
51	Ngày 28 tháng 10	438.065.867.301	43.814.437,66	9.998,21	(276,32)
52	Ngày 31 tháng 10	452.161.136.843	43.725.237,66	10.340,96	342,75
53	Ngày 4 tháng 11	452.052.534.655	43.725.237,66	10.338,48	(2,48)
54	Ngày 11 tháng 11	452.162.534.705	43.656.029,37	10.357,39	18,91
55	Ngày 18 tháng 11	437.429.427.328	43.175.129,37	10.131,51	(225,88)
56	Ngày 25 tháng 11	412.229.448.172	41.613.579,37	9.906,13	(225,38)
57	Ngày 30 tháng 11	395.864.029.302	41.612.179,37	9.513,18	(392,95)
58	Ngày 2 tháng 12	398.044.119.580	41.612.179,37	9.565,57	52,39
59	Ngày 9 tháng 12	378.790.073.959	41.611.892,35	9.102,93	(462,64)
60	Ngày 16 tháng 12	369.308.738.173	41.611.892,35	8.875,08	(227,85)
61	Ngày 23 tháng 12	354.318.920.337	40.102.592,35	8.835,31	(39,77)
62	Ngày 30 tháng 12	349.344.543.827	39.701.792,35	8.799,21	(36,10)
63	Ngày 31 tháng 12	356.389.393.527	39.701.792,35	8.976,65	177,44
	• Giá trị tài sản ròng bình quân năm	490.237.460.062	50.013.721,20	9.802,06	
	• Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức cao nhất				(917,91)
	• Biến động NAV/ICCQ trong năm ở mức thấp nhất				(1,34)

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

21. Giá trị tài sản ròng (tiếp theo)

Kỳ	Ngày tính NAV	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICC Q tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	tăng/(giảm) NAV/ICCQ
1	Ngày 17/Tháng 12	685.328.224.905	80.646.000,00	8.497,97	-
2	Ngày 24/Tháng 12	681.256.119.203	80.646.000,00	8.447,48	(50,49)
3	Ngày 31/Tháng 12	682.079.490.027	80.646.000,00	8.457,69	10,21
	• Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ	681.911.832.634	80.646.000,00	8.455,62	
	• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất				(50,49)
	• Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất				10,21

22. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

(a) Các bên liên quan

Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, Công ty Quản lý Quỹ

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Phí quản lý Quỹ	9.465.113.264	541.059.930

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ tối đa là 2,00% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ (từ ngày 17/12/2013 đến 31/12/2013: 1,93% một năm). Phí được tính vào mỗi kỳ định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong năm/kỳ.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	590.000.000	26.179.532

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

(b) Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Ngân hàng Giám sát

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013 VND
Phí lưu ký chứng khoán	148.586.691	8.410.258
Phí giao dịch chứng khoán	82.185.882	1.560.000
Phí dịch vụ giám sát	226.960.764	10.793.165
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	207.056.305	10.793.165
	664.789.642	31.556.588

Quỹ đã chỉ định ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Ngân hàng Giám sát của Quỹ, đồng thời cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và quản trị quỹ cho Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát	<ul style="list-style-type: none">NAV dưới 500 tỷ Đồng Việt Nam: 0,04% mỗi năm;NAV từ 500 tỷ Đồng Việt Nam đến 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,035% mỗi năm;NAV trên 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,025% mỗi năm; Mức phí giám sát tối thiểu là 16,8 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.
Lưu ký chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">NAV dưới 1.000 tỷ Đồng Việt Nam: 0,03% mỗi năm;NAV từ 1.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên: 0,025% mỗi năm; Mức phí lưu ký tối thiểu là 10,5 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.
Quản trị quỹ	0,04% mỗi năm; Mức phí giám sát tối thiểu là 10,5 triệu Đồng Việt Nam mỗi tháng.

Các phí trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">NAV dưới 500 tỷ Đồng Việt Nam: 160.000 Đồng Việt Nam/giao dịch;NAV từ 500 tỷ Đồng Việt Nam trở lên: 120.000 Đồng Việt Nam/giao dịch; Mức phí giao dịch tối đa là 0,06% NAV/năm tính trên bình quân NAV tại các kỳ định giá trong tháng.
Đăng ký	<ul style="list-style-type: none">Từ cổ phiếu chưa niêm yết sang niêm yết: 3.150.000 Đồng Việt Nam/giao dịch;Từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu: 6.300.000 Đồng Việt Nam/giao dịch.

23. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

	Năm kết thúc ngày 31/12/2014	Từ ngày 17/12/2013 đến ngày 31/12/2013
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động*100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm/kỳ	2,42%	2,37%
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm/kỳ	91,19%	15,21%

Cả hai tỷ lệ trên được tính theo một năm.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

24. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Sở Giao dịch và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do tính chất ngắn hạn của chúng. Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B06 - QM****(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 tháng VND	Từ 1 đến 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Phải trả về mua các khoản đầu tư	960.000.000	960.000.000	960.000.000	-	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	85.520.644	85.520.644	85.520.644	-	-
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	83.000.000	83.000.000	83.000.000	-	-
Chi phí phải trả	764.367.582	764.367.582	764.367.582	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	11.448.565	11.448.565	11.448.565	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	680.483.460	680.483.460	680.483.460	-	-
Phải trả, phải nộp khác	39.924.615	39.924.615	39.924.615	-	-
	2.624.744.866	2.624.744.866	2.624.744.866	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	83.000.000	83.000.000	83.000.000	-	-
Chi phí phải trả	833.393.986	833.393.986	833.393.986	-	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	1.181.098.440	1.181.098.440	1.181.098.440	-	-
	2.097.492.426	2.097.492.426	2.097.492.426	-	-

Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Quỹ đều có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 305.926.689.700 Đồng Việt Nam. Trong năm 2014, tỉ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 27,00%. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 27,00% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 82.600.206.219 Đồng Việt Nam.

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

(d) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	305.926.689.700	305.926.689.700	573.847.788.000	573.847.788.000
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu.</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	48.224.554.964	48.224.554.964	104.178.998.410	104.178.998.410
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	3.594.340.000	3.594.340.000	5.251.221.000	5.251.221.000
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.282.013.334	1.282.013.334	898.975.043	898.975.043
	359.027.597.998	359.027.597.998	684.176.982.453	684.176.982.453

Quý Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B06 - QM

	31/12/2014		31/12/2013	
Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	

Nợ phải trả tài chính

Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	960.000.000	960.000.000	-	-
▪ Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	85.520.644	85.520.644	-	-
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	83.000.000	83.000.000	83.000.000	83.000.000
▪ Chi phí phải trả	764.367.582	764.367.582	833.393.986	833.393.986
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	11.448.565	11.448.565	-	-
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	680.483.460	680.483.460	1.181.098.440	1.181.098.440
▪ Phải trả, phải nộp khác	39.924.615	39.924.615	-	-
	2.624.744.866	2.624.744.866	2.097.492.426	2.097.492.426

Giá trị hợp lý là giá trị mà tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quý sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.